TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TH

Bản án số: 15 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 17/10/2018

V/v : Ly hôn, tranh chấp con cái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Tình
2. Ông Cao Văn Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ct.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT :bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ct xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T , sinh năm 1996

Sinh quán: Thôn M, xã N, huyện NL, tỉnh Th

Nơi cư trú : Thôn Bồng, xã C, huyện Ct, tỉnh Th . Có mặt

Bị đơn: anh Cao Văn T1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện Ct, tỉnh Th .

Nơi làm việc Trại Gà TN, ấp Tr, xã B, huyện Tr, tỉnh Đ.Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2018, bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn T1 quen biết nhau trong quá trình đi làm ăn,và chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được 02 con, đến năm 2015 vợ chồng đi làm ăn ở Miền nam, do điều kiện vợ chồng còn trẻ, không làm gần nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, từ năm

2015 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh T1

Về con cái : Vợ chồng có 02 con chung cháu Cao Lê Bảo Ngân, sinh ngày 13/11/2011 và cháu Cao Lê Bảo Trâm, sinh ngày 18/7/2013. Các cháu hiện nay đang ở với anh T1, để các cháu ổn định về tâm lý và đảm bảo điều kiện học tập, chị có nguyện vọng giao cả 02 cháu cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Cao Văn T1 trong bản tự khai ngày 16 tháng 8 năm 2018 trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau năm 2011 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Tâm. Vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được khoảng 4 năm, từ năm 2015 vợ chồng bất đồng quan điểm, nên đã ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh nhất trí

Về con cái : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Lê Bảo Ng và cháu Cao Lê Bảo Tr anh đang trực tiếp nuôi cả 02 cháu , nên anh có nguyện vọng nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết

Do điều kiện công việc, anh đi làm ăn xa, không thể về để tham gia phiên tòa được nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn có xác nhận của Công ty anh làm việc là Trại Gà TN, ấp Tr, xã B, huyện Tr, tỉnh Đ)

Đại diện VKSND huyện Ct tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các yêu cầu của Thẩm phán và chấp hành tốt các các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ thu thập đã được Hội đồng xét xử xem xét. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ct nhận thấy chị Lê Thị T và anh Cao Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2014 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Tâm nên được công nhận là Hôn nhân hợp pháp. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T và anh T1 đã ly thân nhau từ năm 2015. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên VKSND huyện Ct đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho chị T được ly hôn anhThanh. Về con cái chấp nhận yêu cầu của chị T giao cả 02 cháu cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản các bên đã tự thỏa thuận nên không xem xét, về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự : Chị Lê Thị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ct, tỉnh Th giải quyết việc ly hôn với anh Cao Văn T1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ct. Anh Cao Văn T1 có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 1 điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Cao Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ct, tỉnh Th , nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh T1 nhất trí và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Lê Bảo Ng, sinh ngày 13/11/2011 và cháu Cao Lê Bảo Tr, sinh ngày 18/7/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh T1, được chăm sóc học hành tốt (có xác nhận của chính quyền địa phương) Chị T cũng nhất trí giao cả hai cháu cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng để các cháu ổn định tâm lý, do vậy nên giao cả 02 cháu cho anh Cao Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

[4] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83– Luật Hôn nhân gia đình 2014, khoản 4 điều 147, khoản1 điều 228, Điều 271. Điều 273 BLTTDS, điểm a, khoản 5, Điều 27- NQ số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Cao Văn T1

2. Về con cái: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Lê Bảo Ngân sinh ngày 13/11/2011 và cháu Cao Lê Bảo Trâm, sinh ngày 18/7/2013. Giao cả 02 cháu cho anh Cao Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Chị T có quyền đi lại và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003716 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ct. Như vậy chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Cao Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Ct;
-TAND tỉnh Th
- Thi hành án DS huyện Ct
- UBND xã C;
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thanh